

1. Tên công ty

T n c ng i : CASUMISA

3. Ngày thành lập: 10/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Sinh 69, ng 806 ng Kim Giang, X Thanh Li , H n Thanh T , Th nh ph
H N i, Vi Nam

i n h o i:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	X d ng nh c c lo i	4100
2.	X d ng c ng nh k h d n d ng kh c	4290
3.	L p h h ng d ng kh c Chi i : - L p h h ng hi b kh c kh ng h c i n , h h ng ng i n c , h h ng l i i ho nhi ho c m m c c ng nghi p ong ng nh d ng d ng k h d n d ng ; - L p h h ng hi b nghi p ong ng nh d ng d ng d n d ng nh : + Thang m , c hang ng , + C c lo i c a ng , + H h ng n chi ng + H h ng h b i , + H h ng m hanh , + H h ng hi b d ng cho i ch i gi i . L p hi b ph ng ch ch a ch	4329
4.	Ho n hi n c ng nh d ng	4330
5.	Ho ng d ng ch n d ng kh c	4390
6.	B n b n e c ng c kh c (ho ng gi)	4511
7.	B n l con (lo i l2 ch ng i ng)	4512
8.	i l e c ng c kh c (ho ng gi)	4513
9.	B o d ng , a ch a e c ng c kh c	4520

10.	B n ph ng c c b ph n ph c a e c ng c khác (ho ng gi)	4530(Chính)
11.	Bán mô tô, xe máy (ho ng gi)	4541
12.	B o d ng a ch a m , e m	4542
13.	B n ph ng c c b ph n ph c a m , e m (ho ng gi)	4543
14.	il , m i gi i, gi Chi i : il	4610
15.	B n b n n ng, l m n ng n li (g , e, n a) ng Chi i : B n b n h c, ng c c lo i h ng c c kh c Bán buôn hoa và cây B n b n h c n ng n li l m h c n cho gia c, gia c m h n B n b n n ng, l m n ng n li kh c (g , e, n a)	4620
16.	B n b n h c ph m Chi i : B n b n h c c n ph m h B n b n h n B n b n a , Bán buôn cà phê Bán buôn chè B n b n ng, a c c n ph m a, b nh k o c c n ph m ch bi n ng c c, b , inh b B n b n h c ph m kh c Kinh doanh h c ph m ch c n ng h c ph m ng c ng i ch dinh d ng	4632
17.	B n b n i, h ng ma n, gi d p	4641
18.	B n b n hi b linh ki n i n , i n h ng	4652
19.	B n b n m m c, hi b ph ng m n ng nghi p	4653
20.	B n b n m m c, hi b ph ng m kh c Chi i : B n b n m m c, hi b ph ng m khai kho ng, d ng B n b n m m c, hi b i n, li i n (m ph i n, ng c i n, d i n hi b kh c d ng ong m ch i n) B n b n m m c, hi b ph ng m d , ma , da gi B n b n m m c, hi b ph ng m n ph ng (m i nh hi b ngo i i) B n b n m m c, hi b B n b n m m c, hi b ph ng m kh c ch a c ph n o	4659

21.	B n b n li , hi b l p kh c ong d ng Chi i : B n b n e, n a, g c g ch bi n B n b n i m ng B n b ng ch , ng i, , c , i B n b n k nh d ng B n b n n, cni B n b ng ch pl hi b inh B n b n ng kim B n b n li , hi b l p kh c ong d ng	4663
22.	B n l l ng h c, h c ph m, ng, h c l , h c l o chi m ng l n ong c c c a h ng kinh doanh ng h p	4711
23.	B n l kh c ong c c c a h ng kinh doanh ng h p	4719
24.	B n l h c ph m ong c c c a h ng ch n doanh	4722
25.	B n l n ph m h c l , h c l o ong c c c a h ng ch n doanh	4724
26.	B n l nhi n li ng c ong c c c a h ng ch n doanh	4730
27.	B n l m i nh, hi b ngo i i, ph n m m hi b i n h ng ong c c c a h ng ch n doanh	4741
28.	B n l hi b nghe nh n ong c c c a h ng ch n doanh	4742
29.	B n l i, len, i, ch kh h ng d kh c ong c c c a hàng chuyên doanh	4751
30.	B n l ng kim, n, k nh hi b l p kh c ong d ng ong c c c a h ng ch n doanh	4752
31.	B n l h m, m, ch n, m n, m, li ph ng n ong c c c a h ng ch n doanh	4753
32.	B n l ch, b o, p ch n ph ng ph m ong c c c a h ng chuyên doanh	4761
33.	B n l b ng a m hanh, h nh nh (k c b ng, a ng) ong c c c a h ng ch n doanh	4762
34.	B n l hi b , d ng c h d c, h hao ong c c c a h ng chuyên doanh	4763
35.	B n l ch i, ch i ong c c c a h ng ch n doanh	4764
36.	B n l h ng ma m c, gi d p, h ng da gi da ong c c c a h ng ch n doanh	4771
37.	B n l h c, d ng c , m ph m ph m inh ong c c c a h ng ch n doanh Chi i : B n l d c ph m, d ng c ong c c c a h ng chuyên doanh B n l n c hoa, m ph m ph m inh ong c c c a hàng chuyên doanh	4772

38.	B n l h n g h a k h c m i o n g c c c a h n g c h n d o a n h Chi i : B n l h o a , c c n h o n g c c c a h n g c h n d o a n h B n l n g a n g c , b c , b n , a n g c o n g c c c a h n g c h n d o a n h (k i n h d o a n h n g m i n g) B n l h n g l n i m , h n g a n l , h n g h c n g m n g h o n g c c c a h n g c h n d o a n h B n l a n h , n h c c c p h m n g h h k h c (c) o n g c c c a h n g c h n d o a n h B n l d h o , g a , h a n n h i n l i d n g c h o g i a n h o n g c c c a h n g c h n d o a n h B n l n g h , k n h m o n g c c c a h n g c h n d o a n h B n l m n h , p h i m n h l i n h o n g c c c a h n g c h u y e n d o a n h B n l e p p h n g o n g c c c a h n g c h n d o a n h B n l h n g h a k h c m i c h a c p h n o o n g c c c a h n g c h n d o a n h	4773
39.	B n l h n g h a a d n g o n g c c c a h n g c h n d o a n h (h o n g g i)	4774
40.	V n i h n h k h c h n g b o n g n i h n h , n g o i h n h (n i b n g e b)	4931
41.	V n i h n g h a b n g n g b	4933
42.	D c h l n g n n g Chi i : K h c h n B i h h o c c n h k i n h d o a n h d c h l n g n n g N h k h c h , n h n g h k i n h d o a n h d c h l n g n n g N h , p h n g c c c l n g	5510
43.	C l k h c Chi i : K c h c i n h , i n h i n C h n g h n e l n g , l n , i d n g n g h m C l k h c c h a c p h n o	5590
44.	N h h n g c c d c h n n g p h c l n g Chi i : N h h n g , n n , h n g n n g D c h n n g p h c l n g k h c	5610
45.	C n g c p d c h n n g h e o h p n g k h n g h n g n i k h c h h n g (p h c i c , h i h p , m c i ...)	5621
46.	D c h n n g k h c	5629
47.	D c h p h c n g	5630
48.	L p n h m i n h	6201
49.	T n m i n h n h h n g m i n h	6202

50.	Ho ng d ch c ng ngh h ng in d ch kh c li n an nm i nh	6209
51.	X l d li , cho h c cho ng li n an (T ho ng c ng c p h ng h ng in cho h)	6311
52.	Ho ng ki n c n k h c li n an Chi i : Kh o a h nh; Kh o a ch , a ch h n c ng nh Q n l d n d ng; n l chi ph d ng i i d n d ng, Q n l ch l ng d ng c ng nh; Thi k ho ch d ng Thi k ki n c c ng nh; Thi k k c c ng nh; Thi k i n - c i n c ng nh; Thi k c p - ho n c; Thi k h ng gi - c p ho nhi ; Thi k an o n ph ng ch ng ch n c ng nh Gi m c ng c d ng ho n hi n; Gi m c ng c l p hi b c ng nh; Gi m c ng c l p hi b c ng ngh . X c nh, h m a ng m c d ng; ph n ch i o nh gi hi c a d n; X c nh ch i n , nh m c d ng, gi d ng c ng nh, ch gi d ng; o b c kh i l ng; X c nh, h m a d o n d ng; X c nh gi g i h , gi h p ng ong ho ng d ng; Ki m o chi ph d ng c ng nh; -T n Q n l d n d ng; -Th m a hi k d ng c ng nh (i 154 L X d ng 2014) -T n ong n l chi ph d ng g m: T ng m c d ng, d o n d ng, d o ng i h d ng, nh m c d ng, gi d ng, ch gi d ng, chi ph n l d n n d ng, hanh o n o n h p ng d ng; hanh o n o n n d ng c ng nh T n L p ho ch d ng; Kh o d ng; Th nghi m ch n ng nh d ng; Gi m hi c ng d ng; Thi c ng d ng c ng nh;	7110
53.	C ng h ng in (ho ng b o ch)	6312
54.	Ho ng hi k ch n d ng	7410

55.	Ho ng d ch h kinh doanh kh c c n l i ch a c ph n o Chi i : X nh p kh c c m h ng c ng kinh doanh	8299
56.	L p h h ng i n	4321
57.	L p h h ng c p, ho n c, l i i ho kh ng khí	4322
58.	X d ng c ng nh ng ng b	4210
59.	X d ng c ng nh c ng ch	4220
60.	Ph d	4311
61.	Ch n b m b ng	4312
62.	B n b ng o	4631
63.	B n b n ng	4633
64.	B n b n nph m h c l , h c l o	4634
65.	B n b n d ng kh c cho gia nh Chi i : B n b n ali, c p, i, , h ng da gi da kh c B n b n d c ph m d ng c B n b n n c hoa, h ng m ph m ch ph m inh B n b n h ng g m, , h inh B n b n i n gia d ng, n b n i n B n b n gi ng, , b ngh d ng n i h ng B n b n ch, b o, p ch, nph ng ph m B n b n d ng c h d c, h hao B n b n d ng kh c cho gia nh ch a c ph n o	4649
66.	B n b n m i nh, hi b ngo i i ph n m m	4651
67.	B n b n nhi n li n, l ng, kh c c nph m li n an	4661
68.	B n b n kim lo i ng kim lo i Chi i : B n b n ng kim lo i B n b n , h p B n b n kim lo i kh c (kh ng bao g m kinh doanh ng)	4662
69.	B n b n ch n doanh kh c ch a c ph n o Chi i : B n b n ph n b n, h c h a ch kh c d ng ong n ng nghi p B n b n h a ch kh c (lo i d ng ong n ng nghi p) B n b n ch d o d ng ng n inh Bán buôn cao su B n b n , , i d B n b n ph li ma m c gi d p B n b n ph li , ph h i kim lo i, phi kim lo i B n b n ch n doanh kh c c n l i ch a c ph n o	4669
70.	B n b n ng h p	4690
71.	B n l l ng h c ong c c c a h ng ch n doanh	4721

72.	B n l ng ong c c c a h ng ch n doanh	4723
73.	B n l i n gia đ ng, gi ng, , b n, gh n i h ng , n b n i n, đ ng gia nh kh c ch a c ph n o ong c c c a h ng ch n doanh	4759
74.	V n i h nh kh ch ng b kh c Chi i : V n i h nh kh ch b ng e kh ch n i nh, li n nh V n i h nh kh ch ng b kh c ch a c ph n o	4932

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VN

M nh gi c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PH M C HI U	P106, ngõ 766 T p h B Gi o d c o o, Ph ng L ng Th ng, Q n ng a, Th nh ph H N i, Vi Nam	T ng	6.000	60.000.000	30,000	013536807	
			C ph n ph thông	6.000	60.000.000	30,000		
2	V TH NH BIÊN	S nh 69, ng 806 ng Kim Giang, Xã Thanh Li , H n Thanh Trì, Thành ph H N i, Vi Nam	C ph n ph thông	6.000	60.000.000	30,000	013492101	
			T ng	6.000	60.000.000	30,000		
3	NGUY N HUY THÔNG	S nh 309 ng Ph M , Th T n T ng, H n Ba V , Th nh ph H N i, Vi Nam	C ph n ph thông	8.000	80.000.000	40,000	112181600	
			T ng	8.000	80.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ tên: NGUYỄN HUY THƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/05/1974 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng nhận: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng nhận: 112181600

Ngày cấp: 22/08/2009 Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 309 đường Phú Mỹ, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chức vụ hiện tại: P209 tầng 2 CT2 tòa Nam Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội